

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT

Bình Định, ngày tháng năm 2021

V/v báo cáo tình hình thực
hiện các dự án xử lý sạt lở
cấp bách bờ sông, bờ biển
trên địa bàn tỉnh Bình Định

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và PTNT

Thực hiện Văn bản số 486/BNB-PCTT ngày 22/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc báo cáo tình hình thực hiện các dự án xử lý sạt lở cấp bách bờ sông, bờ biển; sau khi rà soát, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo như sau:

- Tổng kinh phí bố trí theo Văn bản số 8472/BKHĐT-TH ngày 31/11/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: 125 tỷ đồng.

- Tiến độ thực hiện dự án đến 31/12/2020: 7.383/7.383 (m), đạt tỷ lệ hoàn thành 100%.

(các thông tin cụ thể về bố trí kinh phí, tiến độ thực hiện, giải pháp kỹ thuật như theo phụ lục kèm theo)

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục PCTT;
- CT, PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN XỬ LÝ CẤP BÁCH BỜ BIỂN
(Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày / /2021 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Danh mục dự án	Dự án đầu tư						Tiến độ thực hiện đến 31/12/2020					Dự kiến hoàn thành 30/01/2021
		Quyết định phê duyệt	Chiều dài (m)	Kinh phí			Giải pháp kỹ thuật	Kinh phí đã phân bổ từ TW			Chiều dài (m)	So với TK đạt được (%)	
				Tổng	TW	ĐP		Tổng	Nguồn khác	Nguồn 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm vốn cho các dự án quan trọng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Kè Nhon Lý, thành phố Quy Nhơn	Số 1468/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 phê duyệt dự án	1.175,0	35,2	30,0	5,2	- Đoạn thôn Lý Chánh - Lý Hòa: Gia cố mái kè bằng tấm lát BT đúc sẵn (1,0x1,0x0,4)m, dầm 2x4 dày 30cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung giằng BTCT; gia cố chân kè bằng khối BT đúc sẵn phía trên chân kè được khóa bằng dầm BTCT phía ngoài được thảm đá hộc. - Đoạn thôn Lý Hưng - Suối Cả: Kết cấu bằng	30,0	15,0	15,0	1.175,0	100%	Đã hoàn thành, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng tháng 11/2020

TT	Danh mục dự án	Dự án đầu tư						Tiến độ thực hiện đến 31/12/2020					Dự kiến hoàn thành 30/01/2021
		Quyết định phê duyệt	Chiều dài (m)	Kinh phí			Giải pháp kỹ thuật	Kinh phí đã phân bổ từ TW			Chiều dài (m)	So với TK đạt được (%)	
				Tổng	TW	ĐP		Tổng	Nguồn khác	Nguồn 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm vốn cho các dự án quan trọng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
							tường đứng BTCT; gia cố mặt kê bằng đất đầm chặt K95; gia cố chân kê bằng ống buy BTLT phía ngoài được thăm đá học.						
2	Kè xã Nhơn Hải, thành phố Quy Nhơn	Số 249/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 phê duyệt dự án	1.266,0	88,7	75,0	13,7	Kết cấu thân kê bằng đất đầm chặt K95; gia cố mái kê bằng tấm lát BT đúc sẵn (0,6x0,6x0,4)m, dăm 2x4 dày 20cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung giằng BTCT; gia cố mặt kê bằng BT kết hợp làm đường giao thông; gia cố chân kê bằng khối BT đúc sẵn phía trên chân kê được khóa bằng dầm BTCT phía ngoài	75,0	15,0	60,0	1.266,0	100%	Đã thi công hoàn thành tháng 12/2020, dự kiến nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng tháng 02/2021

TT	Danh mục dự án	Dự án đầu tư						Tiến độ thực hiện đến 31/12/2020					Dự kiến hoàn thành 30/01/2021
		Quyết định phê duyệt	Chiều dài (m)	Kinh phí			Giải pháp kỹ thuật	Kinh phí đã phân bổ từ TW			Chiều dài (m)	So với TK đạt được (%)	
				Tổng	TW	ĐP		Tổng	Nguồn khác	Nguồn 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm vốn cho các dự án quan trọng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
							được thăm đá học						
3	Xử lý cấp bách đề, kè sông Kôn	Số 765/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 phê duyệt dự án	4.942,0	50,0	50,0		Kết cấu thân kè bằng đất đầm chặt K95; gia cố mái kè bằng tấm lát BT đúc sẵn (45x45x12)cm, dầm 2x4 dày 10cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung giằng BTCT M200; gia cố mặt kè bằng BT kết hợp làm đường giao thông; gia cố chân kè bằng dầm BTCT phía ngoài thăm đá học	50,0	0,0	50,0	4.942,0	100%	Đã thi công hoàn thành tháng 12/2020, dự kiến nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng tháng 02/2021
	Tổng		7.383,0	173,9	155,0	18,9		155,0	30,0	125,0	7.383,0		